

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Trần Khoa**

Ông **Nguyễn Văn Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Tấn Lộc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 912/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc “**Ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2025 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Bà **Đàm Thị T** – sinh năm 1986

HKTT: 49-NV09 đường G, thành phố T, tỉnh H

Địa chỉ: 404/1/15 đường P, thành phố T, tỉnh H

Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quang T** – sinh năm 1983

HKTT: 49-NV09 đường G, thành phố T, tỉnh H

Địa chỉ: 404/1/15 đường P, thành phố T, tỉnh H

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đàm Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Bà và ông Nguyễn Quang T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn. Nay bà xin ly hôn với ông T vì vợ chồng mâu thuẫn, không hạnh phúc.

Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 04/7/2014 và Nguyễn Quang V sinh ngày 01/8/2018. Bà xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Bà là một chuyên viên và có bán hàng online thêm nên có thời gian để đưa đón, chăm sóc các con. Từ trước đến nay tài chính trong nhà đều do bà lo liệu. Bà mong muốn nuôi 02 con vì ngoài có khả năng về tài chính, chỗ ở, bà còn mong muốn hai con được sống chung với nhau không bị chia tách anh em.

Tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Ông và bà Đàm Thị T kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn. Nay bà T xin ly hôn ông đồng ý vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không giải quyết được.

Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 04/7/2014 và Nguyễn Quang V sinh ngày 01/8/2018. Ông đề nghị được nuôi cháu V, giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng. Hiện nay ông làm công việc phân phối hàng cho công ty bánh kẹo, đề nghị tòa giao con cho ông nuôi, ông đảm bảo nuôi con được.

Tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung Nguyễn Quang D sinh ngày 04/7/2014 và Nguyễn Quang V sinh ngày 01/8/2018 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Việc bà Đàm Thị T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang T, Xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

*** Về nội dung vụ án:** Bà Đàm Thị T và ông Nguyễn Quang T tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 18/9/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông T không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà Đàm Thị T và ông Nguyễn Quang T có 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 04/7/2014 và Nguyễn Quang V sinh ngày 01/8/2018. Bà T xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T đề nghị được nuôi cháu V, giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tòa xét, cháu Nguyễn Quang D sinh ngày 04/7/2014 có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Cháu Nguyễn Quang V sinh ngày 01/8/2018 tuổi còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, đồng thời cho hai cháu có cơ hội sống gần gũi nhau, vun đắp tình cảm anh em, yêu thương, giúp đỡ nhau sau này nên giao 02 con chung cho bà Đàm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Đàm Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đàm Thị T được ly hôn ông Nguyễn Quang T.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Quang D sinh ngày 04/7/2014 và Nguyễn Quang V sinh ngày 01/8/2018 cho bà Đàm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời ông T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Đàm Thị T và ông Nguyễn Quang T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Đàm Thị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003076 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà Đàm Thị T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
 - Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
 - Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
 - UBND xã L-Tp. H - tỉnh H
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2013 ngày 18/9/2013);
- Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung